**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM**
Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799
Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com

| Số/ *No*: 2941/2025/TN-ETSC | **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**<br>***CERTIFICATE OF TESTING*** | Ngày/ *Date*: 19/09/2025<br>Trang/ *Page*: 1/2 |
|---|---|---|

| | |
|---|---|
| 1, Khách hàng yêu cầu:<br>*Customer:* | **CÔNG TY CỔ PHẦN TECH SOUTH** |
| 2, Công trình:<br>*Construction:* | Hệ thống điện tủ điện ATS |
| 3, Địa chỉ thử nghiệm:<br>*Place of testing:* | Công ty TNHH Dệt May Eclat Việt Nam – KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Trạch, Đồng Nai. |
| 4, Đối tượng thử nghiệm:<br>*Type of testing:* | Đo chất lượng điện năng hệ thống điện tủ ATS/ *Measuring the power quality of ATS cabinet* |
| 5, Phương pháp thử nghiệm:<br>*Method of testing:* | ETSC/TN/QT-27; IEC 868; thông tư 30/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương; thông tư 05/2025/TT-BCT của Bộ Công Thương |
| 6, Thời gian thực hiện:<br>*Inspection Date:* | 10/09/2025 – 12/09/2025 |
| 7, Thông số kỹ thuật/ *Specification:* | |
| Số pha/ *Phase*: 3 phase | Tên tủ điện/ *Cabinet's name: ATS Panel* |
| Điện áp định mức/ *Rated voltage*: 220/380 VAC | |
| Tần số/ *Frequency*: 50Hz | |
| 8, Phương tiện thử nghiệm:<br>*Testing equipment:* | - Metrel MI2892. |
| 9, Điều kiện môi trường:<br>*Environmental conditions:* | ( 33 ± 2 ) $^0$C ; ( 58 ± 5 ) % RH |
| 10, Kết quả thử nghiệm:<br>*Testing result:* | **Mục 4, mục 8 không đạt yêu cầu** |
| 11, Tem thử nghiệm:<br>*Testing stamps:* | / |

| **Người Thực Hiện**<br>*Executor* | **GIÁM ĐỐC**<br>*Director* |
|---|---|
| ***Phan Thanh Nhi*** | ***Nguyễn Quốc Hoàn*** |

M.S.D.N: 0315916621 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



*1. Phòng Kiểm định và Thí nghiệm điện đã được AOSC công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (VLAT-1.0757);*

| Số/ No: 2941/2025/TN-ETSC | **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**<br>***CERTIFICATE OF TESTING*** | Ngày/ *Date*: 19/09/2025<br>Trang/ *Page*: 2/2 |
|---|---|---|

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1
*Content of measured results 10 page 1*

| Stt<br>*No* | Đo các thông số<br>*Measure the parameters* | | Pha A<br>*Phase A* | Pha B<br>*Phase B* | Pha C<br>*Phase C* | Yêu Cầu<br>*Request* | Kết quả<br>*Result* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Điện áp vận hành/ *Operating voltage* | | 234,81 | 229,86 | 233,05 | 95% ≤ Udm ≤ 110 % | Đạt/ *Pass* |
| 2 | Tần số vận hành/ *Operating frequency* | | 50,08 | | | 49÷51 Hz | Đạt/ *Pass* |
| 3 | Xâm nhập của dòng điện một chiều/ *Penetration of direct current* | | 0,19 | 0,42 | 0,40 | $\%I_{dc} \leq 0,5\%$ | Đạt/ *Pass* |
| 4 | Sóng hài của điện áp/ *Harmonics of voltage* | Tổng/ *Total* (THD) | **8,17** | **7,98** | **8,03** | **+ THD ≤ 8%** | **K.Đạt/ *N.Pass*** |
| | | Bậc 3 *Level 3* | **9,541** | **9,95** | **9,435** | **+ H(3) ≤ 5%** | **K.Đạt/ *N.Pass*** |
| | | Bậc 5 *Level 5* | 2,92 | 3,41 | 3,14 | + H(5) ≤ 5% | Đạt/ *Pass* |
| | | Bậc 7 *Level 7* | 1,45 | 1,44 | 1,21 | + H(7) ≤ 5% | Đạt/ *Pass* |
| 5 | Sóng hài của dòng điện/ *Harmonics of currents* | Tổng/ *Total* (TDD) | 5,05 | 5,19 | 4,78 | + TDD ≤ 12% | Đạt/ *Pass* |
| | | Bậc 3 *Level 3* | 8,56 | 8,76 | 7,69 | + H(3) ≤ 10% | Đạt/ *Pass* |
| | | Bậc 5 *Level 5* | 6,73 | 6,98 | 7,06 | + H(5) ≤ 10% | Đạt/ *Pass* |
| | | Bậc 7 *Level 7* | 4,79 | 4,71 | 4,13 | + H(7) ≤ 10% | Đạt/ *Pass* |
| 6 | Nhấp nháy điện áp/ *Flashing voltage* | $P_{st}$ | 0,29 | 0,29 | 0,30 | $P_{st} \leq 1$ | Đạt/ *Pass* |
| | | $P_{lt}$ | 0,29 | 0,30 | 0,29 | $P_{lt} \leq 0,8$ | Đạt/ *Pass* |
| 7 | Thành phần thứ tự nghịch của điện áp pha/ *Inverse sequence voltage component* | | 0,30 | | | $\%V_{neg} \leq 5\%$ | Đạt/ *Pass* |
| 8 | Hệ số Công suất/ *Power factor* | | **0,81** | **0,74** | **0,78** | **DPF ≥ 0,9** | **K.Đạt/ *N.Pass*** |
| 9 | Nối đất/ *Grounding* | | Tiếp đất trực tiếp/ *Ground directly* | | | | |

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM**
Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799
Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com

| Số/ *No*: 2942/2025/TN-ETSC | **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**<br>***CERTIFICATE OF TESTING*** | Ngày/ *Date*: 19/09/2025<br>Trang/ *Page*: 1/2 |
|---|---|---|

| | |
|---|---|
| 1, Khách hàng yêu cầu:<br>*Customer:* | **CÔNG TY CỔ PHẦN TECH SOUTH** |
| 2, Công trình/<br>*Construction:* | Hệ thống điện tủ điện MP1 |
| 3, Địa chỉ thử nghiệm:<br>*Place of testing:* | Công ty TNHH Dệt May Eclat Việt Nam – KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Trạch, Đồng Nai. |
| 4, Đối tượng thử nghiệm:<br>*Type of testing:* | Do chất lượng điện năng hệ thống điện tủ MP1/ *Measuring the power quality of MP1 cabinet* |
| 5, Phương pháp thử nghiệm:<br>*Method of testing:* | ETSC/TN/QT-27; IEC 868; thông tư 30/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương; thông tư 05/2025/TT-BCT của Bộ Công Thương |
| 6, Thời gian thực hiện:<br>*Inspection Date:* | 08/09/2025 – 10/09/2025 |
| 7, Thông số kỹ thuật/ *Specification:* | |
| Số pha/ *Phase*: 3 phase | Tên tủ điện/ *Cabinet's name:* MP1 |
| Điện áp định mức/ *Rated voltage*: 220/380 VAC | |
| Tần số/ *Frequency*: 50Hz | |
| 8, Phương tiện thử nghiệm:<br>*Testing equipment:* | - Metrel MI2892. |
| 9, Điều kiện môi trường:<br>*Environmental conditions:* | ( 33 ± 2 ) $^0$C ; ( 58 ± 5 ) % RH |
| 10, Kết quả thử nghiệm:<br>*Testing result:* | **Mục 4, mục 5, mục 8 không đạt yêu cầu.** |
| 11, Tem thử nghiệm:<br>*Testing stamps:* | / |

| **Người Thực Hiện**<br>*Executor* | **GIÁM ĐỐC**<br>*Director* |
|---|---|
| ***Phan Thanh Nhi*** | ***Nguyễn Quốc Hoàn*** |

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM – M.S.D.N: 0315916621 – C.T.C.P – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



*1. Phòng Kiểm định và Thí nghiệm điện đã được AOSC công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (VLAT-1.0757);*

| Số/ *No*: 2942/2025/TN-ETSC | **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**<br>***CERTIFICATE OF TESTING*** | Ngày/ *Date*: 19/09/2025<br>Trang/ *Page*: 2/2 |
|---|---|---|

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1
*Content of measured results 10 page 1*

| Stt<br>*No* | Đo các thông số<br>*Measure the parameters* | | Pha A<br>*Phase A* | Pha B<br>*Phase B* | Pha C<br>*Phase C* | Yêu Cầu<br>*Request* | Kết quả<br>*Result* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Điện áp vận hành/ *Operating voltage* | | 232,31 | 233,36 | 234,04 | 95% ≤ Udm ≤ 110 % | Đạt/ *Pass* |
| 2 | Tần số vận hành/ *Operating frequency* | | 50,07 | | | 49÷51 Hz | Đạt/ *Pass* |
| 3 | Xâm nhập của dòng điện một chiều/ *Penetration of direct current* | | 0,22 | 0,17 | 0,31 | $\%I_{dc} \leq 0,5\%$ | Đạt/ *Pass* |
| 4 | Sóng hài của điện áp/ *Harmonics of voltage* | Tổng/ *Total* (THD) | **8,29** | **8,16** | **8,10** | **+ THD ≤ 8%** | **K.Đạt/ *N.Pass*** |
| | | Bậc 3 *Level 3* | 0,88 | 1,30 | 0,9 | + H(3) ≤ 5% | Đạt/ *Pass* |
| | | Bậc 5 *Level 5* | **6,94** | **6,71** | **6,64** | **+ H(5) ≤ 5%** | **K.Đạt/ *N.Pass*** |
| | | Bậc 7 *Level 7* | 4,30 | 4,29 | 4,42 | + H(7) ≤ 5% | Đạt/ *Pass* |
| 5 | Sóng hài của dòng điện/ *Harmonics of currents* | Tổng/ *Total* (TDD) | 7,42 | 7,82 | 7,64 | + TDD ≤ 12% | Đạt/ *Pass* |
| | | Bậc 3 *Level 3* | **11,23** | **11,03** | **9,47** | **+ H(3) ≤ 10%** | **K.Đạt/ *N.Pass*** |
| | | Bậc 5 *Level 5* | 7,54 | 8,31 | 6,48 | + H(5) ≤ 10% | Đạt/ *Pass* |
| | | Bậc 7 *Level 7* | 4,59 | 4,70 | 5,90 | + H(7) ≤ 10% | Đạt/ *Pass* |
| 6 | Nhấp nháy điện áp/ *Flashing voltage* | $P_{st}$ | 0,2 | 0,2 | 0,2 | $P_{st} \leq 1$ | Đạt/ *Pass* |
| | | $P_{lt}$ | 0,21 | 0,20 | 0,21 | $P_{lt} \leq 0,8$ | Đạt/ *Pass* |
| 7 | Thành phần thứ tự nghịch của điện áp pha/ *Inverse sequence voltage component* | | 0,45 | | | $\%V_{neg} \leq 5\%$ | Đạt/ *Pass* |
| 8 | Hệ số Công suất/ *Power factor* | | **0,69** | **0,71** | **0,69** | **DPF ≥ 0,9** | **K.Đạt/ *N.Pass*** |
| 9 | Nối đất/ *Grounding* | | Tiếp đất trực tiếp/ *Ground directly* | | | | |

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM**
Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799
Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com

| Số/ *No*: 2943/2025/TN-ETSC | **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**<br>***CERTIFICATE OF TESTING*** | Ngày/ *Date*: 19/09/2025<br>Trang/ *Page*: 1/2 |
|---|---|---|

| | |
|---|---|
| 1, Khách hàng yêu cầu:<br>*Customer:* | **CÔNG TY CỔ PHẦN TECH SOUTH** |
| 2, Công trình/<br>*Construction:* | Hệ thống điện tủ điện MP2 |
| 3, Địa chỉ thử nghiệm:<br>*Place of testing:* | Công ty TNHH Dệt May Eclat Việt Nam – KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Trạch, Đồng Nai. |
| 4, Đối tượng thử nghiệm:<br>*Type of testing:* | Đo chất lượng điện năng hệ thống điện tủ MP2/ *Measuring the power quality of MP2 cabinet* |
| 5, Phương pháp thử nghiệm:<br>*Method of testing:* | ETSC/TN/QT-27; IEC 868; thông tư 30/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương; thông tư 05/2025/TT-BCT của Bộ Công Thương |
| 6, Thời gian thực hiện:<br>*Inspection Date:* | 08/09/2025 – 10/09/2025 |
| 7, Thông số kỹ thuật/ *Specification:* | |
| Số pha/ *Phase*: 3 phase | Tên tủ điện/ *Cabinet's name:* MP2 |
| Điện áp định mức/ *Rated voltage*: 220/380 VAC | |
| Tần số/ *Frequency*: 50Hz | |
| 8, Phương tiện thử nghiệm:<br>*Testing equipment:* | - Metrel MI2892. |
| 9, Điều kiện môi trường:<br>*Environmental conditions:* | ( 33 ± 2 ) $^0$C ; ( 58 ± 5 ) % RH |
| 10, Kết quả thử nghiệm:<br>*Testing result:* | **Mục 3, mục 4, mục 8 không đạt yêu cầu** |
| 11, Tem thử nghiệm:<br>*Testing stamps:* | / |

| **Người Thực Hiện**<br>*Executor* | **GIÁM ĐỐC**<br>*Director* |
|---|---|
| ***Phan Thanh Nhi*** | ***Nguyễn Quốc Hoàn*** |

M.S.D.N: 0315916021 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



*1. Phòng Kiểm định và Thí nghiệm điện đã được AOSC công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (VLAT-1.0757);*

| Số/ *No*: 2943/2025/TN-ETSC | **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**<br>***CERTIFICATE OF TESTING*** | Ngày/ *Date*: 19/09/2025<br>Trang/ *Page*: 2/2 |
|---|---|---|

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

*Content of measured results 10 page 1*

| **Stt**<br>*No* | **Đo các thông số**<br>***Measure the parameters*** | | **Pha A**<br>***Phase A*** | **Pha B**<br>***Phase B*** | **Pha C**<br>***Phase C*** | **Yêu Cầu**<br>***Request*** | **Kết quả**<br>***Result*** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Điện áp vận hành/ *Operating voltage* | | 232,11 | 232,66 | 231,32 | 95% ≤ Udm ≤ 110 % | Đạt/ *Pass* |
| 2 | Tần số vận hành/ *Operating frequency* | | 50,08 | | | 49÷51 Hz | Đạt/ *Pass* |
| 3 | Xâm nhập của dòng điện một chiều/ *Penetration of direct current* | | **0,74** | **0,79** | **0,78** | **%$I_{dc}$ ≤ 0,5%** | **K.Đạt/ *N.Pass*** |
| 4 | Sóng hài của điện áp/ *Harmonics of voltage* | Tổng/ *Total* (THD) | **8,17** | **7,98** | **8,03** | **+ THD ≤ 8%** | **K.Đạt/ *N.Pass*** |
| | | Bậc 3 *Level 3* | 1,33 | 1,01 | 0,88 | + H(3) ≤ 5% | Đạt/ *Pass* |
| | | Bậc 5 *Level 5* | **6,68** | **6,54** | **6,75** | **+ H(5) ≤ 5%** | **K.Đạt/ *N.Pass*** |
| | | Bậc 7 *Level 7* | 4,29 | 4,29 | 4,08 | + H(7) ≤ 5% | Đạt/ *Pass* |
| 5 | Sóng hài của dòng điện/ *Harmonics of currents* | Tổng/ *Total* (TDD) | 8,72 | 8,10 | 8,05 | + TDD ≤ 12% | Đạt/ *Pass* |
| | | Bậc 3 *Level 3* | 8,87 | 8,23 | 7,90 | + H(3) ≤ 10% | Đạt/ *Pass* |
| | | Bậc 5 *Level 5* | 8,16 | 7,30 | 8,20 | + H(5) ≤ 10% | Đạt/ *Pass* |
| | | Bậc 7 *Level 7* | 4,54 | 4,27 | 3,12 | + H(7) ≤ 10% | Đạt/ *Pass* |
| 6 | Nhấp nháy điện áp/ *Flashing voltage* | $P_{st}$ | 0,21 | 0,21 | 0,21 | $P_{st}$ ≤ 1 | Đạt/ *Pass* |
| | | $P_{lt}$ | 0,21 | 0,21 | 0,21 | $P_{lt}$ ≤ 0,8 | Đạt/ *Pass* |
| 7 | Thành phần thứ tự nghịch của điện áp pha/ *Inverse sequence voltage component* | | 0,43 | | | %$V_{neg}$ ≤ 5% | Đạt/ *Pass* |
| 8 | Hệ số Công suất/ *Power factor* | | **0,93** | **0,91** | **0,86** | **DPF ≥ 0,9** | **K.Đạt/ *N.Pass*** |
| 9 | Nối đất/ *Grounding* | | Tiếp đất trực tiếp/ *Ground directly* | | | | |

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM**
Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799
Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com

AOSC VLAT 1.0757 ISO/IEC 17025:2017

| Số/ *No*: 2944/2025/TN-ETSC | **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**<br>***CERTIFICATE OF TESTING*** | Ngày/ *Date*: 19/09/2025<br>Trang/ *Page*: 1/2 |
|---|---|---|

| | |
|---|---|
| 1, Khách hàng yêu cầu:<br>*Customer:* | **CÔNG TY CỔ PHẦN TECH SOUTH** |
| 2, Công trình/<br>*Construction:* | Hệ thống điện tủ điện MP3 |
| 3, Địa chỉ thử nghiệm:<br>*Place of testing:* | Công ty TNHH Dệt May Eclat Việt Nam – KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Trạch, Đồng Nai. |
| 4, Đối tượng thử nghiệm:<br>*Type of testing:* | Đo chất lượng điện năng hệ thống điện tủ MP3/ *Measuring the power quality of MP3 cabinet* |
| 5, Phương pháp thử nghiệm:<br>*Method of testing:* | ETSC/TN/QT-27; IEC 868; thông tư 30/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương; thông tư 05/2025/TT-BCT của Bộ Công Thương |
| 6, Thời gian thực hiện:<br>*Inspection Date:* | 08/09/2025 |
| 7, Thông số kỹ thuật/ *Specification:* | |
| Số pha/ *Phase*: 3 phase | Tên tủ điện/ *Cabinet's name:* MP3 |
| Điện áp định mức/ *Rated voltage*: 220/380 VAC | |
| Tần số/ *Frequency*: 50Hz | |
| 8, Phương tiện thử nghiệm:<br>*Testing equipment:* | - Metrel MI2892. |
| 9, Điều kiện môi trường:<br>*Environmental conditions:* | ( 33 ± 2 ) $^0$C ; ( 58 ± 5 ) % RH |
| 10, Kết quả thử nghiệm:<br>*Testing result:* | **Mục 4, mục 5 không đạt yêu cầu.** |
| 11, Tem thử nghiệm:<br>*Testing stamps:* | / |

| **Người Thực Hiện**<br>*Executor* | **GIÁM ĐỐC**<br>*Director* |
|---|---|
| *Phan Thanh Nhi* | *Nguyễn Quốc Hoàn* |

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM M.S.D.N: 0315916... C.T.C.P THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



*1. Phòng Kiểm định và Thí nghiệm điện đã được AOSC công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (VLAT-1.0757);*

| Số/ No: 2944/2025/TN-ETSC | **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**<br>***CERTIFICATE OF TESTING*** | Ngày/ *Date*: 19/09/2025<br>Trang/ *Page*: 2/2 |
|---|---|---|

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1
*Content of measured results 10 page 1*

| **Stt**<br>*No* | **Đo các thông số**<br>***Measure the parameters*** | | **Pha A**<br>***Phase A*** | **Pha B**<br>***Phase B*** | **Pha C**<br>***Phase C*** | **Yêu Cầu**<br>***Request*** | **Kết quả**<br>***Result*** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Điện áp vận hành/ *Operating voltage* | | 232,92 | 233,53 | 234,07 | 95% ≤ Udm ≤ 110 % | Đạt/ *Pass* |
| 2 | Tần số vận hành/ *Operating frequency* | | 50,07 | | | 49÷51 Hz | Đạt/ *Pass* |
| 3 | Xâm nhập của dòng điện một chiều/ *Penetration of direct current* | | 0,21 | 0,12 | 0,12 | $\%I_{dc} \leq 0.5\%$ | Đạt/ *Pass* |
| 4 | Sóng hài của điện áp/ *Harmonics of voltage* | Tổng/ *Total* (THD) | **8,093** | **8,029** | **8,122** | **+ THD ≤ 8%** | **K.Đạt/ *N.Pass*** |
| | | Bậc 3 *Level 3* | 0,510 | 0,859 | 0,502 | + H(3) ≤ 5% | Đạt/ *Pass* |
| | | Bậc 5 *Level 5* | **6,645** | **6,523** | **6,479** | **+ H(5) ≤ 5%** | **K.Đạt/ *N.Pass*** |
| | | Bậc 7 *Level 7* | 4,390 | 4,343 | 4,629 | + H(7) ≤ 5% | Đạt/ *Pass* |
| 5 | Sóng hài của dòng điện/ *Harmonics of currents* | Tổng/ *Total* (TDD) | 9,012 | 9,332 | 10,287 | + TDD ≤ 12% | Đạt/ *Pass* |
| | | Bậc 3 *Level 3* | 2,039 | 4,043 | 8,093 | + H(3) ≤ 10% | Đạt/ *Pass* |
| | | Bậc 5 *Level 5* | 6,128 | 5,056 | 5,992 | + H(5) ≤ 10% | Đạt/ *Pass* |
| | | Bậc 7 *Level 7* | **12,538** | **12,443** | **11,569** | **+ H(7) ≤ 10%** | **K.Đạt/ *N.Pass*** |
| 6 | Nhấp nháy điện áp/ *Flashing voltage* | $P_{st}$ | 0,678 | 0,512 | 0,454 | $P_{st} \leq 1$ | Đạt/ *Pass* |
| | | $P_{lt}$ | 0,48 | 0,48 | 0,46 | $P_{lt} \leq 0.8$ | Đạt/ *Pass* |
| 7 | Thành phần thứ tự nghịch của điện áp pha/ *Inverse sequence voltage component* | | 0,49 | | | $\%V_{neg} \leq 5\%$ | Đạt/ *Pass* |
| 8 | Hệ số Công suất/ *Power factor* | | 0,97 | 0,96 | 0,97 | DPF ≥ 0,9 | Đạt/ *Pass* |
| 9 | Nối đất/ *Grounding* | | Tiếp đất trực tiếp/ *Ground directly* | | | | |